TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 208/2022/DS-ST Ngày: 27/5/2022 V/v : Tranh chấp hợp đồng thi công	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Bà Lại Thị Đắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 4 và ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 540/2018/TLST-DS, ngày 24 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp "Hợp đồng thi công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST-DS ngày 01/4/2022; Quyết định hoãn phiên toà số 84/2022/QĐDS-ST ngày 27/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần A

Trụ sở: Số 33/384 đường B, khu phố B, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Trần T;

Địa chỉ: Số 336/83 đường N, Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Theo văn bản uỷ quyền ngày 15/01/2018;

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị Cẩm T; Sinh năm: 1965;

Nơi cư trú: Số 125/11D đường M, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Thăng L; Sinh năm: 1965

Nơi cư trú: Số 835/38B đường J, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn có đại diện hợp pháp - ông Nguyễn Trần T trình bày:

Ngày 19/01/2016, Công ty Cổ phần A (Sau đây gọi là Công ty A) có tiến hành ký hợp đồng thi công xây dựng với bà Huỳnh Thị Cẩm T để xây dựng căn nhà tọa lạc tại địa chỉ số 125/11D đường M, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng là 1.261.000.000 đồng.

Công ty A đã thi công và hoàn thành bàn giao nhà vào tháng 06/2016.

Bà T đã thanh toán số tiền 1.061.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng theo giấy xác nhận do chính bà T lập.

Công ty A đã nhiều lần yêu cầu bà T thanh toán số tiền còn lại nhưng đến nay bà vẫn chưa thanh toán.

Vì vậy, Công ty A khởi kiện đối với bà Huỳnh Thị Cẩm T yêu cầu bà T phải thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền còn nợ chưa thanh toán là 200.000.000 đồng ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho Công ty A.

Công ty A yêu cầu bà T chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán toàn bộ số tiền như đã trình bày trên, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên, không yêu cầu chồng bà T là ông Trần Thăng L liên đới chịu trách nhiệm.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ bị đơn bà Huỳnh Thị Cẩm T trình bày :

Bà T xác nhận có ký hợp đồng thi công với Công ty A vào ngày 19/01/2016 để thi công xây dựng mới công trình nhà ở dân dụng đối với căn nhà thuộc sở hữu của bà T và chồng là ông Trần Thăng L toạ lạc tại địa chỉ số 125/11D đường M, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị hợp đồng là 1.261.000.000 đồng. Công ty A đã thi công xong và bàn giao nhà cho bà T.

Tại biên bản hoà giải ngày 29/3/2019, bà T xác nhân đã thanh toán cho Công ty A số tiền 1.061.000.000 đồng và hiện còn nợ lại 200.000.000 đồng. Đồng thời, bà T đồng ý thừa nhận đây là số tiền nợ riêng của bà T, không liên quan đến chồng là ông Trần Thăng L. Do gặp khó khăn về kinh tế nên bà T không có điều kiện thanh toán cho Công ty A.

Sau đó, bà T có đơn đề nghị Toà án xác nhận đây là khoản nợ chung của bà T và chồng là ông Trần Thăng L và yêu cầu cả hai cùng có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên. Tuy nhiên, bà T dù đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải và Giấy triệu

tập của Toà án nhưng vẫn không đến Toà án để giải quyết vụ án theo quy định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án ông Trần Thăng L đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải và Giấy triệu tập đến Toà án để làm rõ yêu cầu, giải quyết vụ án nhưng ông L ngoài văn bản trình bày về nơi cư trú của mình không thể hiện bất kỳ ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông L.

Tại phiên tòa,

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt và xác định nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu bà Huỳnh Thị Cẩm T phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ chưa thanh toán cho Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Quốc Cường là 200.000.000 đồng ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Quốc Cường yêu cầu bà T chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán toàn bộ số tiền như đã trình bày trên, không yêu cầu chồng bà T là ông Trần Thăng L liên đới chịu trách nhiệm và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng thi công chỉ yêu cầu Toà án buộc bà Huỳnh Thị Cẩm T chịu nghĩa vụ phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

Bị đơn – bà Huỳnh Thị Cẩm T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án – ông Trần Thăng L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 305 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đương sự, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty A khởi kiện bà Huỳnh Thị Cẩm T về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công". Do bị đơn – bà Huỳnh Thị Cẩm T cư trú tại Quận 8 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – Công ty A có đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Trần T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn – bà Huỳnh Thị Cẩm T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án ông Trần Thăng L, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bà T, ông L vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà T, ông L.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 19/01/2016 bà Huỳnh Thị Cẩm T và đại diện của Công ty A ký Hợp đồng thi công về việc thi công xây dựng mới công trình nhà ở dân dụng đối với với căn nhà tại địa chỉ số 125/11D đường M, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi Công ty A đã thi công và hoàn thành bàn giao nhà vào tháng 06/2016. Bà T đã thanh toán số tiền 1.061.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng. Bà T tự lập văn bản xác nhận công nợ và cam kết thanh toán cho Công ty A trong thời hạn từ ngày 30/8/2017 đến 20/12/2017 nhưng bà T không thực hiện đúng cam kết. Ngày 16/01/2018, Công ty A khởi kiện bà T. Do đó, Công ty A là người có quyền yêu cầu khởi kiện và việc khởi kiện còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 688, Điều 429 Bộ luật dân sự 2015.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của các đương sự đã có đủ căn cứ xác định:

Bà Huỳnh Thị Cẩm T và đại diện hợp pháp của Công ty A có tiến hành giao kết với nhau Hợp đồng thi công vào ngày 19/01/2016 để thi công xây dựng mới công trình nhà ở dân dụng đối với với căn nhà tại địa chỉ số 125/11D đường M, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Huỳnh Thị Cẩm T và ông Trần Thăng L làm chủ sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở theo Giấy chứng nhận có hồ sơ gốc số 00177/2022 do Uỷ ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/5/2002 với giá trị hợp đồng là 1.261.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, Công ty A đã thi công và hoàn thành bàn giao nhà vào tháng 06/2016. Bà T đã thanh toán số tiền 1.061.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng. Bà T tự lập văn bản xác nhận công nợ và cam kết thanh toán cho Công ty A trong thời hạn từ ngày 30/8/2017 đến 20/12/2017 nhưng bà T không thực hiện đúng cam kết.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Cẩm T không có tranh chấp về nội dung của hợp đồng thi công mà các bên đã giao kết. Bà T thừa nhận hiện còn nợ Công ty A 200.000.000 đồng nhưng do điều kiện kinh tế đang khó khăn nên nhiều lần đề nghị Công ty A cho thêm thời gian để bà T có thêm thời gian thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Tuy nhiên, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tình tiết được các bên đương sự thừa nhận, theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty A là có căn cứ và bà Huỳnh Thị Cẩm T phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 290 Bộ luật dân sự 2005.

Công ty A chỉ yêu cầu bà T thanh toán đối với khoản nợ gốc và không tính lãi. Nhận thấy đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự phù hợp theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên được ghi nhận.

[3.3] Xét yêu cầu của bị đơn bà Huỳnh Thị Cẩm T:

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hoà giải ngày 29/3/2019, bà T xác nhân đã thanh toán cho Công ty A số tiền 1.061.000.000 đồng và hiện còn nợ lại 200.000.000 đồng. Đồng thời, bà T còn thừa nhận đây là số tiền nợ riêng của bà T, không liên quan đến chồng là ông Trần Thăng L. Do gặp khó khăn về kinh tế nên bà T không có điều kiện thanh toán cho Công ty A. Sau đó, bà T có văn bản đề nghị Toà án xác nhận đây là khoản nợ chung của bà T và chồng là ông Trần Thăng L và yêu cầu cả hai cùng có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên.

Tuy nhiên, bà T, ông L dù đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải và Giấy triệu tập của Toà án nhưng vẫn không đến Toà án để giải quyết vụ án theo quy định. Do bà T, ông L không thể hiện ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên chưa đủ cơ sở để làm rõ xem xét yêu cầu của bà T. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc bà T chịu trách nhiệm cá nhân thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty A. Trường hợp giữa bà T và ông L có tranh chấp thì các bên được quyền khởi kiện, giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Quốc Cường có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí:

[5.1] Do chấp nhận toàn yêu bộ cầu của nguyên đơn nên bị đơn – bà Huỳnh Thị Cẩm T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà T phải chịu là: 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

[5.2] Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Điều 357, Điều 468, Điều 429, điểm d Khoản 1 Điều 688, Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;

- Điều 290 Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty A.

Buộc bà Huỳnh Thị Cẩm T phải trả Công ty A số tiền là: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Việc thanh toán tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận việc Công ty A chỉ yêu cầu thanh toán đối với khoản nợ gốc và không tính lãi.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Huỳnh Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Công ty A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0005903 ngày 30/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lương Duy Minh Chính

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.